TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2025/HN-ST
Ngày: 06/5/2025
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh B.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Trần Kim C.**

Bà **Nguyễn Thị Mỹ H**

- Thư ký phiên tòa*:* Bà **Hồ Võ Anh T –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Q** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp "*Xin ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Huỳnh Kim S,** sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp Xóm Thủ, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang

+ Bị đơn: **Lê Minh T,** sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp Xóm Thủ, xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

(Chị Sang, anh Tấn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải chị S trình bày:

Chị và anh T quen biết nhau tiến đến hôn nhân có tổ chức cưới năm 2013 và chính thức chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian chung sống anh T tham gia cờ bạc, đá gà, không có trách nhiệm với gia đình, con cái. Anh T cũng hay nhậu về kiếm chuyện gây gỗ và đập phá tài sản trong nhà, đồng thời anh Tuấn có quen hệ tình cảm với người phụ nữ khác.

Nay, chị thấy rằng không thể chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên Lê Huỳnh N, sinh ngày 25/10/2014 hiện đang sống chung với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng

con chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp

* Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh T trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị S về thời gian sống chung và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh đồng ý giao con chung tên Lê Huỳnh N, sinh ngày 25/10/2014 cho chị S nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Áp dụng các Điều 14, 51, 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa ánđề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị S và anh T. Về con chung: Giao cháu Lê Huỳnh N, sinh ngày 25/10/2014 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng. Về án phí: Chị S chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Chị S, anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức cưới, chung sống với nhau từ năm 2013 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị S, anh T có đơn xin vắng mặt các phiên xét xử của Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh chị.

[2] Về hôn nhân: Chị S xin ly hôn với anh T do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải nhau, anh T tham gia cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, con cái. Anh T cũng hay nhậu về kiếm chuyện gây gỗ và đập phá tài sản trong nhà, đồng thời anh T có quen hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay, chị S xin ly hôn, anh T đồng ý.

Xét thấy, chị S và anh T chung sống với nhau năm 2013 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị S, anh T là vợ chồng là phù hợp với Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Anh chị có một con chung tên Lê Huỳnh N, sinh ngày 25/10/2014. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị S là có cơ sở bởi lẽ cháu Huỳnh N đang sống chung với chị S đã ổn định về tâm lý, chỗ ở và phù hợp với nguyện vọng của cháu N mong muốn được sống với mẹ, đồng thời anh T cũng đồng ý để cháu N cho chị S nuôi dưỡng. Do đó cần tiếp tục giao cháu N cho chị S nuôi dưỡng là phù hợp với Điều Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Do chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S, anh T không tranh chấp.

Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: T bố không công nhận quan hệ giữa chị Huỳnh Kim S và anh Lê Minh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Huỳnh N, sinh ngày 25/10/2014 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí:

Chị Huỳnh Kim S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai thu số 0010195 ngày 20/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Như vậy, chị S đã nộp xong án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Chị S, anh T kháng cáo kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Phan Thanh B

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyeän GCT;
- C.c. THADS huyện GCT ;
- Ñöông söï;
- Löu hoà sô.